

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TIN HỌC, LỚP: 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT
NĂM HỌC 2025 – 2026

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá									Tổng			Tỉ lệ % điểm
			TNKQ nhiều LC			TNKQ Đúng - Sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	
1	CHỦ ĐỀ A ^{ICT} . MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC	Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet.	1 (1)									1			2.5 (0.25đ)
		Bài 4. Bên trong máy tính.	2 (2, 3)									2			5 (0.5đ)
		Bài 5. Kết nối máy tính với các thiết bị số.	1 (4)									1			2.5 (0.25đ)
2	CHỦ ĐỀ D ^{ICT} . ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ	Bài 9. Giao tiếp an toàn trên Internet.	2 (5,6)			4 (1abcd)					1 (1)	6		1	25 (2.5đ)
3	CHỦ ĐỀ	Bài 10. Lưu trữ dữ liệu và khai thác	1 (7)			4 (2abcd)						5			12.5 (1.25đ)

E ^{ICT} . GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU	thông tin phục vụ quản lí.													
	Bài 11. Cơ sở dữ liệu.													
	Bài 12. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu và hệ cơ sở dữ liệu.	1 (8)				4 (3abcd)					1	4		12.5 (1.25đ)
	Bài 13. Cơ sở dữ liệu quan hệ.		3 (9,10,11)			4 (4abcd)						7		17.5 (1.75đ)
	Bài 14. SQL – Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc.		1 (12)							1 (2)		1	1	22.5 (2.25đ)
Tổng số lệnh hỏi		8	4		8	8				12	16	12	12	40
Tổng số điểm		2.0	1.0		2.0	2.0				3.0	4.0	3.0	3.0	10
Tỉ lệ %		30			40			30			40	30	30	100

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: TIN HỌC LỚP 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT
NĂM HỌC 2025 – 2026

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Mức độ nhận thức		Tự luận
				TNKQ		
				MC (4-1)	YN (4-4)	ES
1	CHỦ ĐỀ A ^{ICT} . MÁY TÍNH VÀ XÃ HỘI TRI THỨC	Bài 3. Phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet.	Nhận biết: - Biết các phần mềm nguồn mở và phần mềm chạy trên Internet.	2B		
		Bài 4. Bên trong máy tính.	Nhận biết: - Mô tả được các chức năng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ.	1B		
		Bài 5. Kết nối máy tính với các thiết bị số.	Nhận biết: - Mô tả được chức năng của các bộ phận chính bên trong thân máy tính như CPU, RAM và các thiết bị lưu trữ.	1B		
2	CHỦ ĐỀ D ^{ICT} . ĐẠO ĐỨC, PHÁP LUẬT VÀ VĂN HÓA TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ	Bài 9. Giao tiếp an toàn trên Internet.	Nhận biết: - Nêu được một số dạng lừa đảo phổ biến trên mạng. - Nêu được một số biện pháp phòng tránh một số dạng lừa đảo phổ biến trên mạng. Vận dụng: - Giao tiếp được trên mạng qua email, chat, mạng xã hội,...và trong môi trường số một cách văn minh, phù hợp với các quy tắc và văn hóa ứng xử.	2B	4B	ES1 (4V)

3	CHỦ ĐỀ E ^{ICT} . GIỚI THIỆU CÁC HỆ CƠ SỞ DỮ LIỆU	Bài 10. Lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin phục vụ quản lí.	Nhận biết: - Nhận biết được nhu cầu lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin cho bài toán quản lí.	1B	4B	
		Bài 11. Cơ sở dữ liệu.	Thông hiểu: - Diễn đạt được khái niệm CSDL và các thuộc tính cơ bản của CSDL.			
		Bài 12. Hệ quản trị cơ sở dữ liệu và hệ cơ sở dữ liệu.	Nhận biết: - Nêu được những khái niệm cơ bản của hệ CSDL. Thông hiểu: - Diễn đạt được khái niệm hệ CSDL. - Phân biệt được hai loại kiến trúc hệ CSDL là tập trung và phân tán.	1B	4H	
		Bài 13. Cơ sở dữ liệu quan hệ.	Thông hiểu: - Diễn đạt được khái niệm cơ bản trong mô hình CSDL quan hệ như quan hệ (bảng), bản ghi, trường (thuộc tính), khóa, khóa chính, khóa ngoài, liên kết dữ liệu. - Giải thích được các khái niệm cơ bản của hệ CSDL qua ví dụ minh họa. Vận dụng: - Thực hiện được việc tạo lập CDL cho một bài toán quản lí nhỏ bằng cách sử dụng một hệ Quản trị CSDL quan hệ. Cụ thể là: + Tạo được các bảng và chỉ định được khóa cho mỗi bảng. + Thiết lập được mối quan hệ giữa các bảng qua việc chỉ định khóa ngoài.	3H	4H	
		Bài 14. SQL – Ngôn ngữ truy vấn có cấu trúc.	Thông hiểu: - Diễn đạt được khái niệm cơ bản trong mô hình CSDL quan hệ như truy vấn, cập nhật dữ liệu. Vận dụng: - Thực hiện được việc tạo lập CDL cho một bài toán quản	1H		ES2 (8V)

			lí nhỏ bằng cách sử dụng một hệ Quản trị CSDL quan hệ. Cụ thể là: + Tạo được các bảng và chỉ định được khóa cho mỗi bảng. + Thiết lập được mối quan hệ giữa các bảng qua việc chỉ định khóa ngoài. + Thực hiện được việc cập nhật CSDL. + Thể hiện được tính cẩn thận, chăm chỉ, trách nhiệm trong việc lưu trữ và quản lí dữ liệu.			
Tổng				8 lệnh B 4 lệnh H	8 lệnh B 8 lệnh H	12 lệnh V
Tỉ lệ %				16 B = 40%, 12 H = 30%, 12 VD = 30%		
Tỉ lệ chung				B + H = 70%		VD= 30%

ĐỀ GỐC 1

I-TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3đ)

Câu 1 <3-NB> Phần mềm nào dưới đây không phải là phần mềm nguồn mở?

- A. Inkscape. B. GIMP. **C. Microsoft Word.** D. Python.

Câu 2 <4-NB> Khi **tắt nguồn máy tính**, dữ liệu trong bộ phận nào sau đây sẽ **bị mất**?

- A. Ổ cứng HDD. B. Ổ cứng SSD. **C. RAM.** D. Thiết bị lưu trữ ngoài.

Câu 3 <4-NB> Loại bộ nhớ nào chỉ có thể đọc và không thể ghi hay xóa dữ liệu?

- A. RAM. **B. ROM.** C. SSD. D. HDD.

Câu 4 <5-NB> Thiết bị nào sau đây **không** phải là thiết bị vào của máy tính?

- A. Bàn phím. B. Chuột. **C. Màn hình.** D. Máy quét ảnh.

Câu 5 <9-NB> Tin nhắn yêu cầu cung cấp mã OTP để “xác minh tài khoản” thường là dấu hiệu của dạng lừa đảo nào?

- A. Lừa đảo chiếm đoạt tài khoản.** B. Sao lưu dữ liệu.
C. Quản lí tài khoản. D. Cập nhật phần mềm.

Câu 6 <9-NB> Đâu không phải là quy tắc sử dụng Internet an toàn?

- A. Hãy chậm lại. B. Kiểm tra ngay.
C. Dừng lại, không gửi. **D. Mở và xem.**

Câu 7<10-NB> Trong công tác quản lý, vì sao cần phải **lưu trữ dữ liệu**?

- A. Để giảm số lượng thông tin.
- B. Để thuận tiện cho việc tra cứu và sử dụng lâu dài.**
- C. Để tăng chi phí quản lý.
- D. Để tránh sử dụng máy tính.

Câu 8 <12-NB> Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (QTCSDL) là?

- A. Phần mềm cung cấp phương thức để bảo trì, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu.
- B. Phần mềm cung cấp phương thức để lưu trữ, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu.**
- C. Phần mềm cung cấp phương thức để phân tán, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu.
- D. Phần mềm cung cấp phương thức để kiểm soát, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu.

Câu 9 <13-NB> Lý do của việc chỉ nên thực hiện liên kết dữ liệu từ nhiều bảng thay vì đưa tất cả dữ liệu vào một bảng là gì?

- A. Tiêu tốn không gian lưu trữ dữ liệu.
- B. Đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu khi cập nhật.**
- C. Tiêu tốn thời gian tầm soát dữ liệu.
- D. Dễ mắc lỗi làm mất tính nhất quán của dữ liệu.

Câu 10 <13-NB> Mỗi hàng của bảng được gọi là một bản ghi thể hiện về điều gì dưới đây?

- A. Thể hiện thuộc tính của đối tượng được quản lý trong bảng.
- B. Có các kiểu dữ liệu lưu trong một trường.
- C. Là tập hợp các thông tin về một đối tượng cụ thể được quản lý trong bảng.**
- D. Là mô tả nội dung của trường bắt buộc phải có.

Câu 11 <13-NB> Khóa chính trong bảng có vai trò nào sau đây?

- A. Lưu trữ dữ liệu tạm thời.
- B. Liên kết các bảng bất kỳ.
- C. Phân biệt các bản ghi trong bảng.**
- D. Mã hóa dữ liệu.

Câu 12 <14-NB> Kiểu dữ liệu nào sau đây phù hợp để lưu trữ tên học sinh?

- A. STRING(n).
- B. VARCHAR(n).**
- C. INTEGER.
- D. BOOLEAN.

II-TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (4đ)

Câu 1<9-NB> Huệ và Hạ cùng nhau thảo luận về cách nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên không gian số. Hai bạn đã đưa ra các ý kiến sau:

- a) Khi nhận được tin nhắn yêu cầu chuyển tiền từ một nguồn không rõ ràng, tốt nhất là làm theo yêu cầu để tránh phiền phức. (S)
- b) Nếu nhận được thư điện tử từ địa chỉ lạ yêu cầu mở tài liệu đính kèm, nên xóa thư đó ngay lập tức. (Đ)
- c) Một trong những nguyên tắc nhận biết lừa đảo trên không gian số là luôn kiểm tra lại thông tin trước khi hành động. (Đ)
- d) Tỉnh táo và chậm lại là cách hiệu quả để phòng tránh lừa đảo trên không gian số. (Đ)

Câu 2 <10-NB> An và Bình đang thảo luận về nội dung lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin phục vụ quản lý trong tin học lớp 11.

Hai bạn đã đưa ra các ý kiến như sau:

- a) Cập nhật dữ liệu bao gồm việc thêm dữ liệu mới, chỉnh sửa hoặc xóa dữ liệu đã có. (Đ)
- b) Việc cập nhật dữ liệu thường xuyên giúp sửa chữa những sai sót và nhầm lẫn trong việc ghi chép dữ liệu. (Đ)
- c) Truy xuất dữ liệu chỉ bao gồm việc tìm kiếm dữ liệu, không bao gồm sắp xếp hoặc lọc dữ liệu. (S)
- d) Thu thập dữ liệu tự động giúp rút ngắn thời gian xử lý và tăng độ chính xác so với việc thu thập dữ liệu thủ công. (Đ)

Câu 3 <12-TH> Trong giờ Tin học, học sinh nêu một số nhận định về Hệ cơ sở dữ liệu tập trung như sau:

- a) Hệ CSDL tập trung giúp dễ dàng bảo trì và phát triển do CSDL được lưu trữ tại một nơi duy nhất. (Đ)
- b) Tất cả các phần mềm ứng dụng CSDL phải nằm trên cùng một máy tính với CSDL trong Hệ CSDL tập trung. (S)
- c) Một nhược điểm của Hệ CSDL tập trung là yêu cầu mạng phải ổn định và có tốc độ cao khi triển khai rộng rãi. (Đ)
- d) Hệ CSDL tập trung thường có tính nhất quán dữ liệu và an ninh cao hơn do CSDL được lưu trữ tập trung. (Đ)

Câu 4<13-TH> Trong giờ Tin học, học sinh nêu một số nhận định về Khóa chính và khóa ngoài như sau:

- a) Khóa chính là một trường hoặc nhóm trường trong bảng mà giá trị của chúng không trùng lặp giữa các bản ghi. (Đ)
- b) Mỗi bảng trong CSDL quan hệ có thể có nhiều khóa chính để xác định các bản ghi khác nhau. (S)
- c) Khóa ngoài của một bảng có thể được sử dụng để liên kết dữ liệu giữa các bảng khác nhau trong CSDL. (Đ)
- d) Sử dụng khóa ngoài để liên kết bảng giúp tạo ra các bảng mới với thông tin tổng hợp từ nhiều bảng khác nhau. (Đ)

III-TỰ LUẬN (3đ)

Câu 1<9-VD> Hãy nêu cách xử lý của em trong tình huống sau:

Em đang sử dụng Internet để lướt web thì thấy một tin nhắn từ bạn thân mình là bạn Bình gửi đến “Cậu cho mình vay 1 triệu mình đưa mẹ đi khám”. (1đ)

TL:

- Không vội chuyển tiền ngay, vì tài khoản bạn Bình có thể đã bị **hack**.
- Gọi điện trực tiếp cho Bình hoặc liên hệ qua một kênh khác (gặp trực tiếp, nhắn cho người thân của Bình...) để kiểm tra xem có đúng Bình gửi tin hay không.
- Nếu xác minh đúng là Bình nhờ thật thì mới giúp đỡ.
- Nếu nghi ngờ tài khoản bị chiếm đoạt thì báo cho Bình biết để đổi mật khẩu và bảo mật tài khoản.

Câu 2 <13-VD> Cho CSDL quản lý lớp học có các bảng sau:

- Bảng Học sinh (Mã học sinh, Họ tên, Ngày sinh, Giới tính, Mã lớp).
- Bảng Giáo viên (Mã GV, Họ tên, Lớp, Ngày sinh, Giới tính, Bộ môn, SĐT).
- Bảng Lớp học (Mã lớp, Tên lớp, Mã GV).

a) Hãy xác định khóa chính và khóa ngoài của từng bảng trên. (0.5đ)

b) Hãy viết câu truy vấn khởi tạo CSDL Quản lý lớp học, đặt tên là QLHOCSINH và khởi tạo bảng Học sinh có tên tương ứng là HOCSINH. (1đ)

c) Hãy viết câu truy vấn thêm khoá chính cho bảng HOCSINH và bảng Lớp học. (0.5đ)

TL:a)

.Bảng	Khóa chính	Khóa ngoài
Bảng Học sinh	Mã học sinh	Mã lớp: Liên kết với trường Mã lớp trong bảng Lớp học .
Bảng Giáo viên	Mã GV	Không có
Bảng Lớp học	Mã lớp	Mã GV : Liên kết với trường Mã GV trong bảng Giáo viên .

b) CREATE DATABASE QLHOCSINH;

```
CREATE TABLE HOCSINH (  
    Mã học sinh CHAR (10),  
    Họ tên VARCHAR (50),  
    Ngày sinh DATE,  
    Giới tính BOOLEAN,  
    Mã lớp CHAR (5),  
);
```

c) ALTER TABLE HOCSINH ADD PRIMARY KEY (Mã học sinh);

ALTER TABLE LOPHOC ADD PRIMARY KEY (Mã lớp);

---HẾT---

ĐỀ GÓC 2

I-TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (3đ)

Câu 1 <3-NB> Ví dụ nào dưới đây là phần mềm chạy trên Internet?

- A. Microsoft Word B. Photoshop **C. Google Docs** D. GIMP

Câu 2 <4-NB> Thiết bị nào sau đây là **thiết bị lưu trữ dữ liệu lâu dài** trong thân máy tính?

- A. RAM B. CPU **C. Ổ cứng (HDD/SSD)** D. Bộ nhớ đệm (Cache)

Câu 3 <4-NB> Loại bộ nhớ nào sau đây chỉ có thể đọc và không thể ghi hay xóa dữ liệu?

- A. RAM **B. ROM** C. SSD D. HDD

Câu 4 <5-NB> Thiết bị nào sau đây **không** phải là thiết bị ra?

- A. Máy in B. Màn hình **C. Chuột** D. Máy chiếu

Câu 5 <9-NB> Việc yêu cầu **đặt cọc trước** khi mua hàng online nhưng không giao hàng là dạng lừa đảo nào?

- A. Lừa đảo đầu tư
- B. Lừa đảo bán hàng trực tuyến
- C. Lừa đảo giả danh cơ quan chức năng
- D. Lừa đảo trúng thưởng

Câu 6 <9-NB> Có mấy quy tắc trong giao tiếp và ứng xử trong môi trường số?

- A.1
- B.2
- C.3
- D.4

Câu 7 <10-NB> Nhận định nào sau đây **đúng** về vai trò của lưu trữ và khai thác thông tin trong quản lí?

- A. Chỉ cần lưu trữ dữ liệu, không cần khai thác
- B. Chỉ cần khai thác, không cần lưu trữ
- C. Lưu trữ và khai thác thông tin giúp quản lí hiệu quả hơn
- D. Không liên quan đến công tác quản lí

Câu 8 <12-NB> Hệ quản trị cơ sở dữ liệu (QTCSDDL) là?

- A. Phần mềm cung cấp phương thức để bảo trì, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu
- B. Phần mềm cung cấp phương thức để lưu trữ, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu
- C. Phần mềm cung cấp phương thức để phân tán, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu
- D. Phần mềm cung cấp phương thức để kiểm soát, cập nhật và truy xuất dữ liệu của CSDL, bảo mật và an toàn dữ liệu

Câu 9 <13-NB> Lý do của việc chỉ nên thực hiện liên kết dữ liệu từ nhiều bảng thay vì đưa tất cả dữ liệu vào một bảng là gì?

- A. Tiêu tốn không gian lưu trữ dữ liệu.
- B. Đảm bảo tính nhất quán của dữ liệu khi cập nhật.
- C. Tiêu tốn thời gian tìm kiếm dữ liệu.
- D. Dễ mắc lỗi làm mất tính nhất quán của dữ liệu.

Câu 10 <13-NB> Mỗi **hàng (bản ghi)** trong bảng biểu diễn nội dung nào sau đây?

- A. Một trường dữ liệu
- B. Một kiểu dữ liệu
- C. Một đối tượng cụ thể cần quản lí
- D. Một khóa chính

Câu 11 <13-NB> Khóa ngoài trong bảng có tác dụng nào sau đây?

- A. Xóa dữ liệu trong bảng
- B. Tăng dung lượng lưu trữ
- C. Tạo liên kết giữa các bảng
- D. Sao lưu dữ liệu

Câu 12 <14-NB> Kiểu dữ liệu nào sau đây phù hợp để lưu trữ tên học sinh?

- A. STRING(n).
- B. VARCHAR(n).
- C. INTEGER.
- D. BOOLEAN.

II-TRẮC NGHIỆM ĐÚNG/SAI (4đ)

Câu 1 <9-NB> Trung và Tuấn cùng nhau thảo luận cách nhận biết và phòng tránh lừa đảo trên không gian số. Hai bạn đã đưa ra các ý kiến sau:

a) Khi nhận được tin nhắn yêu cầu chuyển tiền từ một nguồn không rõ ràng, tuyệt đối không làm theo yêu cầu để tránh rủi ro mất tiền.

(Đ)

- b) Nếu nhận được thư điện tử từ địa chỉ lạ yêu cầu mở tài liệu đính kèm, ta nên mở ra xem bên trong có nội dung gì. (S)
- c) Một trong những nguyên tắc nhận biết lừa đảo trên không gian số là luôn kiểm tra lại thông tin trước khi hành động. (Đ)
- d) Tỉnh táo và chậm lại không phải là cách hiệu quả để phòng tránh lừa đảo trên không gian số. (S)

Câu 2 <10-NB> Huy và Cường đang thảo luận về nội dung lưu trữ dữ liệu và khai thác thông tin phục vụ quản lý trong tin học lớp 11. Hai bạn đã đưa ra các ý kiến như sau:

- a) Cập nhật dữ liệu chỉ bao gồm việc thêm dữ liệu mới, không bao gồm việc chỉnh sửa hoặc xóa dữ liệu đã có. (S)
- b) Việc cập nhật dữ liệu thường xuyên giúp sửa chữa những sai sót và nhầm lẫn trong việc ghi chép dữ liệu. (Đ)
- c) Truy xuất dữ liệu bao gồm việc tìm kiếm dữ liệu, sắp xếp hoặc lọc dữ liệu. (Đ)
- d) Thu thập dữ liệu tự động giúp rút ngắn thời gian xử lý và tăng độ chính xác so với việc thu thập dữ liệu thủ công. (Đ)

Câu 3 <12-TH> Trong giờ Tin học, học sinh nêu một số nhận định về Hệ cơ sở dữ liệu phân tán như sau:

- a) Trong Hệ CSDL phân tán, CSDL được lưu trữ phân tán trên các máy tính khác nhau được gọi là các trạm CSDL cục bộ. (Đ)
- b) Mỗi trạm CSDL cục bộ chỉ hỗ trợ trực tiếp người dùng trong mạng cục bộ của nó và không thể hỗ trợ người dùng từ các mạng khác. (S)
- c) Hệ CSDL phân tán có tính sẵn sàng cao và dễ dàng mở rộng do dữ liệu được lưu trữ ở nhiều trạm cục bộ. (Đ)
- d) Một nhược điểm của Hệ CSDL phân tán là chi phí duy trì cao và có thể gặp khó khăn trong việc đảm bảo tính nhất quán dữ liệu. (Đ)

Câu 4 <13-TH> Trong giờ Tin học, học sinh nêu một số nhận định về Liên kết dữ liệu trong CSDL quan hệ như sau:

- a) Khóa ngoài chỉ có thể được sử dụng để liên kết các bảng có cùng số lượng trường và bản ghi. (S)
- b) Liên kết dữ liệu giữa các bảng giúp tổng hợp thông tin từ nhiều nguồn khác nhau trong CSDL quan hệ. (Đ)
- c) Một bảng có thể được liên kết với nhiều bảng khác trong CSDL thông qua việc sử dụng khóa ngoài. (Đ)
- d) Liên kết dữ liệu không ảnh hưởng đến khả năng truy xuất thông tin của các bảng trong CSDL quan hệ. (S)

III-TỰ LUẬN (3đ)

Câu 1: Hãy nêu cách xử lý của em trong tình huống sau: (1đ)

Em nhận được một tin nhắn trên mạng xã hội với nội dung: “Chúc mừng bạn đã trúng thưởng điện thoại iPhone 15. Để nhận quà, bạn vui lòng nhấp vào đường link bên dưới và đăng nhập tài khoản để xác nhận thông tin”. Tin nhắn được gửi từ một tài khoản lạ, không phải bạn bè của em. Đường link có giao diện giống trang đăng nhập mạng xã hội quen thuộc.

TL:

- Không mở link và **không đăng nhập** bất cứ tài khoản nào.
- Báo cáo (Report) tài khoản gửi tin giả mạo.
- Xóa tin nhắn để tránh nhầm lẫn.
- Nếu chẳng may nhấp vào đường link và đăng nhập, cần đổi mật khẩu ngay lập tức và bật xác thực hai lớp.

Câu 2. (2 điểm): Cho CSDL Quản lý sách trong thư viện gồm các bảng sau:

- Bảng Sách (Mã sách, Tên sách, Tác giả, Thể loại, Năm XB, Số lượng).
- Bảng Độc giả (Mã độc giả, Họ tên, Lớp, Ngày sinh, Địa chỉ, SĐT).

- Bảng Mượn trả sách (Mã mượn trả, Mã độc giả, Mã sách, Ngày mượn, Ngày trả, Trạng thái).

Hãy xác định khóa chính và khóa ngoài của từng bảng trên. (0.5đ)

b) Hãy viết câu truy vấn khởi tạo CSDL Quản lý thư viện, đặt tên là QLTHUVIEN và khởi tạo các bảng Sách có tên tương ứng là SACH. (1đ)

c) Hãy viết câu truy vấn thêm khoá chính cho bảng DOCGIA và bảng Sách. (0.5đ)

TL:a)

Bảng	Khóa chính	Khóa ngoài
Bảng Sách	Mã sách	Không có
Bảng Độc giả	Mã độc giả	Không có
Bảng Mượn trả sách	Mã mượn trả	Mã độc giả: Liên kết với trường Mã độc giả trong bảng Độc giả . Mã sách: Liên kết với trường Mã sách trong bảng Sách .

b) CREATE DATABASE QLTHUVIEN;

CREATE TABLE SACH (

Mã sách CHAR (10),

Tên sách VARCHAR (50),

Tác giả VARCHAR (30),

Thẻ loại VARCHAR (20),

NămXB DATE,

Số lượng INT,

Mã lớp CHAR (5),

);

c) ALTER TABLE SACH ADD PRIMARY KEY (Mã sách);

ALTER TABLE DOCGIA ADD PRIMARY KEY (Mã docgia);

---HẾT---

I-Phần đáp án câu trắc nghiệm: (7 điểm)

Mã đề Câu	1101	1103	1105	1107	1100	1102	1104	1106
1	A	A	C	A	A	B	D	A
2	C	C	C	A	A	B	B	D
3	B	C	B	B	B	A	A	B
4	A	B	A	A	A	C	B	A
5	B	B	B	D	C	D	C	C
6	C	A	D	B	A	D	C	A
7	C	A	A	B	C	A	B	C
8	D	D	C	D	C	D	A	C
9	B	A	A	B	B	C	A	C
10	B	A	B	A	B	C	B	D
11	B	B	B	D	A	D	D	D
12	A	D	D	C	A	A	B	C
1	DDDS	DDDS	DSDD	DDDS	DSDD	SSDD	DDDS	DSDD
2	SDDD	DDDS	DDDS	DDDS	SSDD	DDDS	DSSD	SDDD
3	DDSD	DDDS	DDSD	DDDS	SSDD	DDDS	DDSD	SSDD
4	SDDD	SDDD	DDDS	DDSD	DDSD	DSDS	DDSS	SDDS

II-Tự luận (3 điểm)

Mã đề	Câu	Đáp án	Điểm											
1101, 1103, 1105, 1107	1	- Không vội chuyển tiền ngay, vì tài khoản bạn Bình có thể đã bị hack. - Gọi điện trực tiếp cho Bình hoặc liên hệ qua một kênh khác (gặp trực tiếp, nhắn cho người thân của Bình...) để kiểm tra xem có đúng Bình gửi tin hay không. - Nếu xác minh đúng là Bình nhờ thật thì mới giúp đỡ. - Nếu nghi ngờ tài khoản bị chiếm đoạt thì báo cho Bình biết để đổi mật khẩu và bảo mật tài khoản.	1 điểm. (Mỗi ý đúng được 0.25đ) Có thể chấm theo ý trả lời khác của HS nếu hợp lí.											
	2	a)<table><tr><td>.Bảng</td><td>Khóa chính</td><td>Khóa ngoài</td></tr><tr><td>Bảng Học sinh</td><td>Mã học sinh</td><td>Mã lớp: Liên kết với trường Mã lớp trong bảng Lớp học.</td></tr><tr><td>Bảng Giáo viên</td><td>Mã GV</td><td>Không có</td></tr><tr><td>Bảng Lớp học</td><td>Mã lớp</td><td>Mã GV: Liên kết với trường Mã GV trong bảng Giáo viên.</td></tr></table>	.Bảng	Khóa chính	Khóa ngoài	Bảng Học sinh	Mã học sinh	Mã lớp: Liên kết với trường Mã lớp trong bảng Lớp học .	Bảng Giáo viên	Mã GV	Không có	Bảng Lớp học	Mã lớp	Mã GV : Liên kết với trường Mã GV trong bảng Giáo viên .
.Bảng	Khóa chính	Khóa ngoài												
Bảng Học sinh	Mã học sinh	Mã lớp: Liên kết với trường Mã lớp trong bảng Lớp học .												
Bảng Giáo viên	Mã GV	Không có												
Bảng Lớp học	Mã lớp	Mã GV : Liên kết với trường Mã GV trong bảng Giáo viên .												

		b) CREATE DATABASE QLHOCSINH; CREATE TABLE HOCSINH (Mã học sinh CHAR (10), Họ tên VARCHAR (50), Ngày sinh DATE, Giới tính BOOLEAN, Mã lớp CHAR (5),); c) ALTER TABLE HOCSINH ADD PRIMARY KEY (Mã học sinh); ALTER TABLE LOPHOC ADD PRIMARY KEY (Mã lớp);	b) 1 điểm (- Viết đúng câu lệnh tạo CSDL được 0.25đ) - Viết đúng câu lệnh tạo bảng được 0.25đ. - Khai báo kiểu dữ liệu ko phù hợp với các trường -0.1đ/1 trường. - Thiếu dấu “,” hoặc cặp dấu () -0.1đ) c) 0.5 điểm (Viết đúng mỗi câu lệnh được 0.25đ. - Sai tên bảng hoặc khóa chính -0.125đ) - Ghi thiếu 1 dấu “;” -0.05												
1100, 1102, 1104, 1106.	1	a) <table border="1"> <tr> <th>Bảng</th> <th>Khóa chính</th> <th>Khóa ngoài</th> </tr> <tr> <td>Bảng Sách</td> <td>Mã sách</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>Bảng Độc giả</td> <td>Mã độc giả</td> <td>Không có</td> </tr> <tr> <td>Bảng Mượn trả sách</td> <td>Mã mượn trả</td> <td> Mã độc giả: Liên kết với trường Mã độc giả trong bảng Độc giả. Mã sách: Liên kết với trường Mã sách trong bảng Sách. </td> </tr> </table> b) CREATE DATABASE QLTHUVIEN; CREATE TABLE SACH (Mã sách CHAR (10), Tên sách VARCHAR (50), Tác giả VARCHAR (30), Thể loại VARCHAR (20), NămXB DATE, Số lượng INT, Mã lớp CHAR (5),); c) ALTER TABLE DOCGIA ADD PRIMARY KEY (Mã độc giả); ALTER TABLE SACH ADD PRIMARY KEY (Mã sách);	Bảng	Khóa chính	Khóa ngoài	Bảng Sách	Mã sách	Không có	Bảng Độc giả	Mã độc giả	Không có	Bảng Mượn trả sách	Mã mượn trả	Mã độc giả: Liên kết với trường Mã độc giả trong bảng Độc giả . Mã sách: Liên kết với trường Mã sách trong bảng Sách .	a) 0.5 điểm (Xác định sai 1 khóa chính hoặc 1 khóa ngoài -0.1đ) b) 1 điểm (- Viết đúng câu lệnh tạo CSDL được 0.25đ) - Viết đúng câu lệnh tạo bảng được 0.25đ. - Khai báo kiểu dữ liệu ko phù hợp với các trường - 0.1đ/1 trường. - Thiếu dấu “,” hoặc cặp dấu () -0.1đ) c) 0.5 điểm (Viết đúng mỗi câu lệnh được 0.25đ. - Sai tên bảng hoặc khóa chính -0.125đ)
Bảng	Khóa chính	Khóa ngoài													
Bảng Sách	Mã sách	Không có													
Bảng Độc giả	Mã độc giả	Không có													
Bảng Mượn trả sách	Mã mượn trả	Mã độc giả: Liên kết với trường Mã độc giả trong bảng Độc giả . Mã sách: Liên kết với trường Mã sách trong bảng Sách .													

	2	• Không mở link và không đăng nhập bất cứ tài khoản nào. • Báo cáo (Report) tài khoản gửi tin giả mạo. • Xóa tin nhắn để tránh nhân nhâm. • Nếu chẳng may nhấp vào đường link và đăng nhập, cần đổi mật khẩu ngay lập tức và bật xác thực hai lớp.	1 điểm. (Mỗi ý đúng được 0.25đ) Có thể chấm theo ý trả lời khác của HS nếu hợp lí.
--	---	---	---